



Ký bởi Ủy ban nhân dân tỉnh Điện Biên

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH ĐIỆN BIÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: **5363**/TTr-UBND

Điện Biên, ngày **20** tháng **11** năm 2023

TỜ TRÌNH

Về việc đề nghị ban hành Nghị quyết quy định về chức danh, việc kiêm nhiệm chức danh, mức phụ cấp đối với người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, ở thôn, tổ dân phố; mức khoán kinh phí hoạt động của tổ chức chính trị - xã hội ở cấp xã; mức hỗ trợ hàng tháng đối với người trực tiếp tham gia hoạt động ở thôn, tổ dân phố và mức phụ cấp kiêm nhiệm người trực tiếp tham gia hoạt động ở thôn, tổ dân phố trên địa bàn tỉnh Điện Biên

Kính gửi: Hội đồng nhân dân tỉnh Điện Biên

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Cán bộ, công chức ngày 13 tháng 11 năm 2008; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều Luật Cán bộ, công chức và Luật Viên chức ngày 25 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 33/2023/NĐ-CP ngày 10 tháng 6 năm 2023 của Chính phủ quy định về cán bộ, công chức cấp xã và người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, ở thôn, tổ dân phố.

UBND tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành Nghị quyết quy định về chức danh, việc kiêm nhiệm chức danh, mức phụ cấp đối với người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, ở thôn, tổ dân phố; mức khoán kinh phí hoạt động của tổ chức chính trị - xã hội ở cấp xã; mức hỗ trợ hàng tháng đối với người trực tiếp tham gia hoạt động ở thôn, tổ dân phố và mức phụ cấp kiêm nhiệm người trực tiếp tham gia hoạt động ở thôn, tổ dân phố trên địa bàn tỉnh Điện Biên (thay thế Nghị quyết số 14/2019/NQ-HĐND ngày 26/8/2019 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định số lượng, chức danh, mức phụ cấp đối với người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, ở thôn, tổ dân phố; Mức khoán kinh phí hoạt động của các tổ chức chính trị - xã hội ở cấp xã; Mức bồi dưỡng người trực tiếp tham gia công việc của thôn, bản, tổ dân phố trên địa bàn tỉnh Điện Biên), nội dung chi tiết như sau:

I. SỰ CẦN THIẾT BAN HÀNH NGHỊ QUYẾT

1. Căn cứ pháp lý

Theo quy định tại điểm a, điểm b, điểm c, khoản 3, Điều 34 Nghị định số 33/2023/NĐ-CP ngày 10/6/2023 của Chính phủ:

“Căn cứ vào quỹ phụ cấp được ngân sách Trung ương khoán cho mỗi cấp xã, mỗi thôn, tổ dân phố quy định tại các khoản 1, 2 Điều này; nguồn kinh phí ngân sách chi cho cải cách chính sách tiền lương của địa phương; các quy định của pháp luật có liên quan và đặc thù của từng cấp xã, từng thôn, tổ dân phố, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trình Hội đồng nhân dân cùng cấp quy định cụ thể những nội dung sau:

- a) Chức danh người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã;
- b) Việc kiêm nhiệm chức danh người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, ở thôn, tổ dân phố và người hoạt động không chuyên trách ở thôn, tổ dân phố kiêm nhiệm người trực tiếp tham gia hoạt động ở thôn, tổ dân phố;
- c) Mức phụ cấp của từng chức danh người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, ở thôn, tổ dân phố bảo đảm tương quan hợp lý với mức lương bậc 1 của công chức cấp xã có cùng trình độ đào tạo nhằm khuyến khích người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, ở thôn, tổ dân phố học tập nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ; quy định cụ thể mức khoán kinh phí hoạt động của tổ chức chính trị - xã hội ở cấp xã; mức hỗ trợ hàng tháng đối với người trực tiếp tham gia hoạt động ở thôn, tổ dân phố và mức phụ cấp kiêm nhiệm người trực tiếp tham gia hoạt động ở thôn, tổ dân phố phù hợp với tình hình thực tiễn của địa phương”.

2. Căn cứ thực tiễn

Sau 04 năm thực hiện Nghị quyết số 14/2019/NQ-HĐND ngày 26/8/2019 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định số lượng, chức danh, mức phụ cấp đối với người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, ở thôn, bản, tổ dân phố; Mức khoán kinh phí hoạt động của các tổ chức chính trị - xã hội ở cấp xã; Mức bồi dưỡng người trực tiếp tham gia công việc của thôn, bản, tổ dân phố trên địa bàn tỉnh Điện Biên đã góp phần cụ thể hóa chính sách của Chính phủ và các bộ, ngành Trung ương, phục vụ nhiệm vụ quản lý nhà nước trên địa bàn tỉnh.

Ngày 10/6/2023 Chính phủ ban hành Nghị định số 33/2023/NĐ-CP quy định về cán bộ, công chức cấp xã và người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, ở thôn, tổ dân phố; trong đó có những điểm mới, chưa được quy định trong Nghị quyết số 14/2019/NQ-HĐND ngày 26/8/2019 của Hội đồng nhân dân tỉnh, do đó việc ban hành Nghị quyết mới thay thế Nghị quyết số 14/2019/NQ-HĐND là rất cần thiết.

II. MỤC ĐÍCH, QUAN ĐIỂM XÂY DỰNG DỰ THẢO NGHỊ QUYẾT

1. Mục đích

Việc xây dựng dự thảo Nghị quyết nhằm quy định cụ thể về các chức danh, việc kiêm nhiệm chức danh, mức phụ cấp đối với người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, ở thôn, tổ dân phố; mức khoán kinh phí hoạt động của tổ chức chính trị - xã hội ở cấp xã; mức hỗ trợ hàng tháng đối với người trực tiếp tham gia hoạt động ở thôn, tổ dân phố và mức phụ cấp kiêm nhiệm người trực tiếp tham gia hoạt động ở thôn, tổ dân phố trên địa bàn tỉnh Điện Biên theo đúng quy định của Nghị định số 33/2023/NĐ-CP; đồng thời thay thế các quy định không còn

phù hợp với tình hình thực tiễn tại Nghị quyết số 14/2019/NQ-HĐND.

2. Quan điểm

Xây dựng Nghị quyết đảm bảo đồng bộ, thống nhất, theo đúng chủ trương của Đảng, quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật và các văn bản hướng dẫn thi hành; phù hợp với quy định của pháp luật về ngân sách, các quy định hiện hành có liên quan và phù hợp với điều kiện kinh tế - xã hội của tỉnh.

III. QUÁ TRÌNH XÂY DỰNG DỰ THẢO NGHỊ QUYẾT

UBND tỉnh đã giao Sở Nội vụ chủ trì, phối hợp với Sở Tài chính, Sở Tư pháp và các sở, ngành có liên quan triển khai rà soát quy định tại Nghị định số 33/2023/NĐ-CP, xác định những nội dung điều chỉnh, bổ sung so với quy định tại các văn bản được thay thế bởi Nghị định số 33/2023/NĐ-CP; trên cơ sở đó nghiên cứu, xây dựng dự thảo Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh, tổ chức họp bàn, thống nhất nội dung trình Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành Nghị quyết đảm bảo theo quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật và các quy định của pháp luật hiện hành.

IV. BỐ CỤC VÀ NỘI DUNG DỰ THẢO NGHỊ QUYẾT

1. Về bố cục

Dự thảo Nghị quyết gồm có 06 Điều, cụ thể:

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng.

Điều 2. Chức danh và việc kiêm nhiệm chức danh người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, ở thôn, tổ dân phố và người hoạt động không chuyên trách ở thôn, tổ dân phố kiêm nhiệm người trực tiếp tham gia hoạt động ở thôn, tổ dân phố.

Điều 3. Mức phụ cấp đối với người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, ở thôn, tổ dân phố; mức khoán kinh phí hoạt động của tổ chức chính trị - xã hội ở cấp xã; mức hỗ trợ hàng tháng đối với người trực tiếp tham gia hoạt động ở thôn, tổ dân phố và mức phụ cấp kiêm nhiệm người trực tiếp tham gia hoạt động ở thôn, tổ dân phố.

Điều 4. Kinh phí thực hiện.

Điều 5. Tổ chức thực hiện.

Điều 6. Điều khoản thi hành.

2. Nội dung cơ bản của Nghị quyết

2.1. Quy định chức danh, chế độ chính sách đối với người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã

2.1.1. Hiện trạng

Thực hiện theo Nghị quyết số 14/2019/NQ-HĐND ngày 26/8/2019 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định số lượng, chức danh, mức phụ cấp đối với người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, ở thôn, bản, tổ dân phố; Mức khoán kinh phí hoạt động của các tổ chức chính trị - xã hội ở cấp xã; Mức bồi dưỡng

người trực tiếp tham gia công việc của thôn, bản, tổ dân phố trên địa bàn tỉnh Điện Biên.

a) Về số lượng

- Cấp xã loại 1: Tối đa 12 người.
- Cấp xã loại 2,3: Tối đa 10 người.

b) Bố trí các chức danh

- Giúp việc Đảng ủy cấp xã gồm 01 chức danh: Người giúp việc Đảng ủy.
- Giúp việc chính quyền cấp xã gồm 03 chức danh: Phó Trưởng Công an (nơi chưa bố trí lực lượng công an chính quy); Phó Chỉ huy trưởng Quân sự; Thủ quỹ - Văn thư - Lưu trữ.

- Giúp việc Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp xã, các tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức xã hội cấp xã gồm 07 chức danh: Phó Chủ tịch Ủy ban Mặt trận tổ quốc Việt Nam; Phó Bí thư Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh; Phó Chủ tịch Hội Liên hiệp Phụ nữ; Phó Chủ tịch Hội Nông dân; Phó Chủ tịch Hội Cựu chiến binh; Chủ tịch Hội Người cao tuổi; Chủ tịch Hội Chữ thập đỏ (bố trí đối với xã loại 1);

- Đến nay 100% chức danh Phó Trưởng Công an xã đã được bố trí lực lượng công an chính quy, do đó không áp dụng theo Nghị quyết số 14/2019/NQ-HĐND.

c) Chế độ chính sách

- 10 chức danh bao gồm: Người giúp việc Đảng ủy; Phó Trưởng Công an (nơi chưa bố trí lực lượng công an chính quy); Thủ quỹ - Văn thư - Lưu trữ; Phó Chủ tịch Ủy ban Mặt trận tổ quốc Việt Nam; Phó Bí thư Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh; Phó Chủ tịch Hội Liên hiệp Phụ nữ; Phó Chủ tịch Hội Nông dân; Phó Chủ tịch Hội Cựu chiến binh; Chủ tịch Hội Người cao tuổi; Chủ tịch Hội Chữ thập đỏ (bố trí đối với xã loại 1) hưởng mức phụ cấp hệ số 1,4 so với mức lương cơ sở.

- 01 chức danh: Phó Chỉ huy trưởng Quân sự hưởng mức phụ cấp hệ số 1,7 so với mức lương cơ sở.

2.1.2. Phương án bố trí người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã

a) Về số lượng

Thực hiện theo quy định tại khoản 4, khoản 5, Điều 33 Nghị định số 33/2023/NĐ-CP: Hàng năm, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trình Hội đồng nhân dân cùng cấp quyết định số lượng người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã đối với từng đơn vị hành chính cấp huyện thuộc phạm vi quản lý. Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định số lượng cụ thể người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã ở từng đơn vị hành chính cấp xã và bố trí số lượng người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã thuộc phạm vi quản lý. Số lượng người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã ở từng đơn vị hành chính cấp xã có thể thấp hơn mức của cấp xã loại III hoặc có thể cao hơn mức của cấp xã loại I quy định tại khoản 1 Điều này, nhưng phải bảo đảm không vượt quá tổng số lượng người hoạt động

không chuyên trách ở cấp xã của cả đơn vị hành chính cấp huyện được Hội đồng nhân dân cấp tỉnh giao.

b) Về chức danh

Bao gồm 12 chức danh, trong đó:

- Giúp việc Đảng ủy cấp xã gồm 02 chức danh: Văn phòng - Tổ chức - Kiểm tra Đảng ủy; Tuyên giáo - Dân vận.

- Giúp việc chính quyền cấp xã gồm 03 chức danh: Phó Chỉ huy trưởng Ban Chỉ huy Quân sự; Thủ quỹ - Văn thư - Lưu trữ; Dân tộc - Tôn giáo.

- Giúp việc Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp xã, các tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức xã hội cấp xã gồm 07 chức danh: Phó Chủ tịch Ủy ban Mặt trận tổ quốc Việt Nam; Phó Bí thư Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh; Phó Chủ tịch Hội Liên hiệp Phụ nữ; Phó Chủ tịch Hội Nông dân; Phó Chủ tịch Hội Cựu chiến binh; Chủ tịch Hội Người cao tuổi; Chủ tịch Hội Chữ thập đỏ.

* Đối với 03 chức danh: Văn phòng - Tổ chức - Kiểm tra Đảng ủy; Phó Chỉ huy trưởng Ban Chỉ huy Quân sự; Phó Chủ tịch Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp xã được bố trí không quá 02 người/chức danh; các chức danh còn lại được bố trí 01 người/chức danh.

* Chức danh Dân tộc - Tôn giáo được bố trí ở đơn vị hành chính cấp xã khi đáp ứng một trong các tiêu chuẩn, điều kiện sau đây:

+ Có đồng bào dân tộc thiểu số sống tập trung thành cộng đồng thôn, bản và đang cần Nhà nước tập trung giúp đỡ, hỗ trợ phát triển.

+ Có đồng bào dân tộc thiểu số sinh sống ở địa bàn xung yếu về an ninh, quốc phòng.

+ Có đồng bào dân tộc thiểu số sinh sống xen canh, xen cư ở khu vực biên giới nước ta và nước láng giềng thường xuyên qua lại.

+ Có điểm nhóm sinh hoạt tôn giáo tập trung.

+ Có tổ chức tôn giáo đã được cấp chứng nhận đăng ký hoạt động tôn giáo hoặc có từ 5% người theo tôn giáo trở lên (tính trên tổng dân số đơn vị hành chính cấp xã).

* Đối với chức danh Người giúp việc Đảng ủy được tiếp tục bố trí công tác vào chức danh Văn phòng - Tổ chức - Kiểm tra Đảng ủy hoặc Tuyên giáo - Dân vận và hưởng chế độ, chính sách theo quy định hiện hành.

c) Mức phụ cấp và chế độ chính sách khác đối với người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã

Trên cơ sở cân đối mức phụ cấp hiện hưởng của các chức danh theo quy định tại Nghị quyết số 14/2019/NQ-HĐND và Quyết định số 33/2019/QĐ-UBND; căn cứ mức khoán quỹ phụ cấp từ nguồn ngân sách Trung ương phân bổ và các chế độ chính sách khác theo quy định tại điểm c, khoản 3, Điều 34 Nghị định số 33/2023/NĐ-CP: "*Mức phụ cấp của từng chức danh người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, ở thôn, tổ dân phố bảo đảm tương quan hợp lý với*

mức lương bậc 1 của công chức cấp xã có cùng trình độ đào tạo nhằm khuyến khích người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, ở thôn, tổ dân phố học tập nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ”; UBND tỉnh đề xuất mức phụ cấp cho từng chức danh như sau:

- Đối với đơn vị hành chính cấp xã loại I: Chức danh Phó Chỉ huy trưởng Ban Chỉ huy Quân sự được hưởng mức phụ cấp 1,65 lần so với mức lương cơ sở; các chức danh còn lại được hưởng mức phụ cấp 1,35 lần so với mức lương cơ sở.

- Đối với đơn vị hành chính cấp xã loại II, III: Chức danh Phó Chỉ huy trưởng Ban Chỉ huy Quân sự được hưởng mức phụ cấp 1,6 lần so với mức lương cơ sở; các chức danh còn lại được hưởng mức phụ cấp 1,3 lần so với mức lương cơ sở.

- Về chế độ chính sách khác: Ngoài mức phụ cấp hưởng theo chức danh nêu trên thì được hỗ trợ thêm nếu có trình độ chuyên môn, nghiệp vụ như sau: Tốt nghiệp Đại học trở lên được hỗ trợ thêm 0,2 lần mức lương cơ sở/người/tháng; Tốt nghiệp Cao đẳng được hỗ trợ thêm 0,15 lần mức lương cơ sở/người/tháng; Tốt nghiệp Trung cấp được hỗ trợ thêm 0,1 lần mức lương cơ sở/người/tháng¹.

2.2. Người hoạt động không chuyên trách ở thôn, bản, tổ dân phố

2.2.1. Hiện trạng

Thực hiện theo Nghị định số 34/2019/NĐ-CP ngày 24/4/2019 của Chính phủ, Nghị quyết số 14/2019/NQ-HĐND ngày 26/8/2019 của Hội đồng nhân dân tỉnh, Quyết định số 33/2019/QĐ-UBND ngày 27/9/2019 của UBND tỉnh.

a) Về số lượng và chức danh

Hiện nay đang được bố trí không quá 03 người/thôn, tổ dân phố, gồm các chức danh: Bí thư chi bộ, Trưởng thôn hoặc Tổ trưởng tổ dân phố, Trưởng Ban công tác Mặt trận và được hưởng phụ cấp hàng tháng.

b) Mức phụ cấp

- 02 chức danh: Bí thư chi bộ, Trưởng thôn hoặc Tổ trưởng tổ dân phố được hưởng mức phụ cấp hệ số 1,4 lần so với mức lương cơ sở (đối với thôn, bản, đội có từ 350 hộ gia đình trở lên; thôn, bản, đội thuộc xã trọng điểm, phức tạp về an ninh - trật tự theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền; thôn, bản, đội thuộc xã biên giới); hưởng mức phụ cấp hệ số 1,3 lần so với mức lương cơ sở (đối với những thôn, bản, tổ dân phố thuộc các xã, phường, thị trấn còn lại).

- 01 chức danh: Trưởng Ban công tác Mặt trận được hưởng mức phụ cấp hệ số 1,2 lần so với mức lương cơ sở (đối với thôn, bản, đội có từ 350 hộ gia đình

¹ Nghị định số 33/2023/NĐ-CP quy định trình độ chuyên môn tối thiểu là Trung cấp (được phép hoàn thiện đáp ứng trình độ trong vòng 05 năm từ thời điểm Nghị định có hiệu lực thi hành); tuy nhiên hiện nay số người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã trên địa bàn tỉnh chưa đáp ứng trình độ Trung cấp là 245/1211 người, chiếm 20,23%; do đó việc áp dụng mức hỗ trợ đối với người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã có trình độ chuyên môn Trung cấp là 0,1 lần mức lương cơ sở/người/tháng nhằm khuyến khích học tập nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ.

trở lên; thôn, bản, đội thuộc xã trọng điểm, phức tạp về an ninh - trật tự theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền; thôn, bản, đội thuộc xã biên giới); hưởng mức phụ cấp hệ số 1,1 lần so với mức lương cơ sở (đối với những thôn, bản, tổ dân phố thuộc các xã, phường, thị trấn còn lại).

2.2.2. Phương án bố trí người hoạt động không chuyên trách ở thôn, bản, tổ dân phố

a) Về số lượng, chức danh

Khoản 6, Điều 33 Nghị định số 33/2023/NĐ-CP quy định: “Người hoạt động không chuyên trách ở thôn, tổ dân phố có không quá 03 chức danh (bao gồm Bí thư chi bộ, Trưởng thôn hoặc Tổ trưởng tổ dân phố, Trưởng Ban công tác Mặt trận) được hưởng phụ cấp hàng tháng”.

b) Về mức phụ cấp hàng tháng và chế độ chính sách

Trên cơ sở kế thừa hệ số được quy định tại Nghị quyết số 14/2019/NQ-HĐND, UBND tỉnh đề xuất:

- 02 chức danh: Bí thư chi bộ, Trưởng thôn hoặc Tổ trưởng tổ dân phố được hưởng mức phụ cấp 1,35 lần so với mức lương cơ sở (đối với thôn có từ 350 hộ gia đình trở lên; tổ dân phố có từ 500 hộ gia đình trở lên; thôn, tổ dân phố thuộc đơn vị hành chính cấp xã trọng điểm, phức tạp về an ninh - trật tự theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền; thôn, tổ dân phố thuộc đơn vị hành chính cấp xã ở khu vực biên giới); hưởng mức phụ cấp 1,25 lần so với mức lương cơ sở (đối với những thôn, bản, tổ dân phố thuộc các xã, phường, thị trấn còn lại).

- 01 chức danh: Trưởng Ban công tác Mặt trận được hưởng mức phụ cấp 1,15 lần so với mức lương cơ sở (đối với thôn, bản, đội có từ 350 hộ gia đình trở lên; tổ dân phố có từ 500 hộ gia đình trở lên; thôn, tổ dân phố thuộc đơn vị hành chính cấp xã trọng điểm, phức tạp về an ninh - trật tự theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền; thôn, tổ dân phố thuộc đơn vị hành chính cấp xã ở khu vực biên giới); hưởng mức phụ cấp 1,05 lần so với mức lương cơ sở (đối với những thôn, bản, tổ dân phố thuộc các xã, phường, thị trấn còn lại).

- Về chế độ chính sách khác: Ngoài mức phụ cấp hưởng theo chức danh nêu trên, nếu có bằng tốt nghiệp trình độ Trung cấp trở lên thì được hỗ trợ thêm 0,1 lần mức lương cơ sở/người/tháng.

2.3. Người trực tiếp tham gia hoạt động ở thôn, tổ dân phố

2.3.1. Hiện trạng

Theo quy định tại Nghị định số 34/2019/NĐ-CP ngày 24/4/2019 của Chính phủ và Nghị quyết số 14/2019/NQ-HĐND ngày 26/8/2019 của Hội đồng nhân dân tỉnh thì người trực tiếp tham gia công việc của thôn, tổ dân phố được hưởng mức bồi dưỡng là 50.000 đồng/buổi/người.

2.3.2. Phương án về số lượng, chức danh và mức hỗ trợ hàng tháng

a) Số lượng, chức danh

Mỗi thôn, tổ dân phố bố trí không quá 05 người gồm các chức danh sau: Phó Trưởng thôn hoặc Phó Tổ trưởng tổ dân phố; Bí thư Chi đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh; Chi hội trưởng Hội Phụ nữ; Chi hội trưởng Hội Nông dân; Chi hội trưởng Hội Cựu chiến binh.

b) Mức hỗ trợ hàng tháng

- Đối với 01 chức danh: Phó Trưởng thôn hoặc Phó Tổ trưởng tổ dân phố hưởng mức hỗ trợ bằng 0,3 lần mức lương cơ sở.

- Các chức danh còn lại hưởng mức hỗ trợ bằng 0,2 lần mức lương cơ sở.

2.4. Mức khoán kinh phí hoạt động của các tổ chức chính trị - xã hội cấp xã

a) Hiện trạng

- Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp xã được khoán 7.000.000 đồng/năm.

- Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh cấp xã, Hội Liên hiệp Phụ nữ cấp xã, Hội Nông dân cấp xã, Hội Cựu chiến binh cấp xã được khoán 5.000.000 đồng/năm.

* Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp xã và các tổ chức chính trị - xã hội sử dụng mức khoán kinh phí hoạt động để phục vụ hội nghị, sơ kết, tổng kết, hội họp, chè, nước, văn phòng phẩm,... Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp xã được khoán mức cao hơn do không có nguồn từ đoàn phí, hội phí.

b) Phương án về mức khoán kinh phí hoạt động của các tổ chức chính trị - xã hội ở cấp xã

Căn cứ vào quỹ phụ cấp do Trung ương khoán cho địa phương và tình hình thực hiện nhiệm vụ, yêu cầu quản lý tổ chức, UBND tỉnh đề xuất mức khoán cho hoạt động của các tổ chức chính trị - xã hội như sau:

- Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp xã được khoán 10.000.000 đồng/năm.

- Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh cấp xã, Hội Liên hiệp Phụ nữ cấp xã, Hội Nông dân cấp xã, Hội Cựu chiến binh cấp xã được khoán 8.000.000 đồng/năm.

2.5. Việc kiêm nhiệm chức danh người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, ở thôn, tổ dân phố và người hoạt động không chuyên trách ở thôn, tổ dân phố kiêm nhiệm người trực tiếp tham gia hoạt động ở thôn, tổ dân phố

- Trên cơ sở số lượng người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã được Hội đồng nhân dân tỉnh giao hàng năm, Ủy ban nhân dân cấp huyện căn cứ tình hình thực tế của địa phương để bố trí người hoạt động không chuyên trách đối với từng đơn vị hành chính cấp xã cho phù hợp, đảm bảo các chức danh đều có người đảm nhiệm và không vượt quá tổng số lượng người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã của cả đơn vị hành chính cấp huyện được Hội đồng nhân dân cấp tỉnh giao.

- Đối với đơn vị hành chính cấp xã được giao số lượng người hoạt động không chuyên trách thấp hơn số lượng chức danh quy định, Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định chức danh được phân công bố trí kiêm nhiệm.

- Đối với đơn vị hành chính cấp xã được giao số lượng người hoạt động không chuyên trách bằng hoặc nhiều hơn số lượng chức danh quy định, Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định chức danh được bố trí nhiều hơn 01 người nhưng không quá 02 người/chức danh theo quy định.

- Cán bộ, công chức cấp xã, người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, ở thôn, tổ dân phố được kiêm nhiệm thực hiện nhiệm vụ của người hoạt động không chuyên trách khác ở cấp xã, ở thôn, tổ dân phố; người hoạt động không chuyên trách ở thôn, tổ dân phố được kiêm nhiệm người trực tiếp tham gia hoạt động ở thôn, tổ dân phố mà giảm được ít nhất 01 người trong số lượng được cấp có thẩm quyền giao thì được hưởng phụ cấp kiêm nhiệm bằng 100% mức phụ cấp của chức danh kiêm nhiệm theo quy định.

- Trường hợp kiêm nhiệm nhiều chức danh cũng chỉ được hưởng một mức phụ cấp kiêm nhiệm cao nhất.

- Phụ cấp kiêm nhiệm chức danh không dùng để tính đóng, hưởng chế độ bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế.

2.6. Nguồn kinh phí thực hiện

Do ngân sách nhà nước đảm bảo theo Luật Ngân sách nhà nước và các quy định hiện hành (có biểu dự toán chi tiết kèm theo).

V. NỘI DUNG ĐỀ XUẤT

1. UBND tỉnh đề xuất mức phụ cấp đối với người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã tính theo phân loại đơn vị hành chính cấp xã do mức khoán phụ cấp của Trung ương tính theo phân loại đơn vị hành chính cấp xã. Các xã loại I có diện tích rộng và dân số đông hơn so với xã loại II, III; bên cạnh đó trên địa bàn tỉnh hiện nay chỉ còn 02 xã loại III; do đó UBND tỉnh đề xuất quy định mức phụ cấp đối với người hoạt động không chuyên trách ở xã loại I cao hơn, đồng thời đề xuất gộp người hoạt động không chuyên trách ở xã loại II, loại III hưởng cùng mức phụ cấp.

2. Đối với chức danh người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã:

- Đề xuất tách chức danh Người giúp việc Đảng ủy (theo Nghị quyết số 14/2019/NQ-HĐND) thành 02 chức danh là Văn phòng - Tổ chức - Kiểm tra Đảng ủy và Tuyên giáo - Dân vận.

- Đề xuất bổ sung thêm chức danh Dân tộc - Tôn giáo giúp việc chính quyền cấp xã để tăng cường quản lý nhà nước về công tác tôn giáo, tín ngưỡng, dân tộc ở cấp xã (hiện nay việc thực hiện nhiệm vụ này do công chức Văn hóa - Xã hội đảm nhiệm) do Điện Biên là tỉnh miền núi biên giới, có vị trí chiến lược quan trọng về quốc phòng - an ninh, phần lớn dân số là người dân tộc thiểu số, đời sống một bộ phận nhân dân còn rất nhiều khó khăn; trong những năm qua các thế lực thù địch, phần tử xấu thường xuyên tìm cách lợi dụng kích động

người dân ly khai, tị nạn, truyền đạo trái pháp luật.

Trên cơ sở các nội dung đề xuất nêu trên, UBND tỉnh kính trình Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét, chấp thuận ban hành Nghị quyết quy định về chức danh, việc kiêm nhiệm chức danh, mức phụ cấp đối với người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, ở thôn, tổ dân phố; mức khoán kinh phí hoạt động của tổ chức chính trị - xã hội ở cấp xã; mức hỗ trợ hàng tháng đối với người trực tiếp tham gia hoạt động ở thôn, tổ dân phố và mức phụ cấp kiêm nhiệm người trực tiếp tham gia hoạt động ở thôn, tổ dân phố trên địa bàn tỉnh Điện Biên (có dự thảo Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh kèm theo)./.

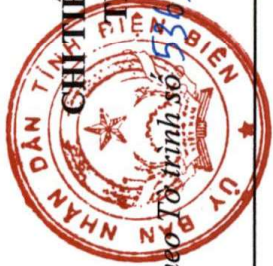
Nơi nhận:

- Như trên;
- Thường trực Tỉnh ủy (b/c);
- Lãnh đạo UBND tỉnh;
- Sở Nội vụ;
- Lưu: VT, KT. *q*

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Lê Thành Đô



CHI TIẾT DỰ TOÁN KINH PHÍ TRUNG ƯƠNG KHOẢN THỰC HIỆN NGHỊ ĐỊNH SỐ 33/2023/NĐ-CP

(Kèm theo Tờ trình số 15363 /TTr-UBND ngày 20 tháng 11 năm 2023 của UBND tỉnh Điện Biên)

Stt	Nội dung	Xã, thôn bản	Định mức theo quy định tại Nghị định số 33/2023/NĐ-CP		Nhu cầu kinh phí/tháng (triệu đồng)	Nhu cầu kinh phí cả năm (triệu đồng)	Ghi chú
			Số người	Hệ số			
A	B	1	2	3	4=1*3*1,8	5=4*12	C
A	Tổng nguồn kinh phí khoán theo định mức của Trung ương khoán cho địa phương, gồm (I, II, III) như sau:				17.547,30	212.965,20	
I	Số xã theo phân loại ĐVHC	129	2.709		4.503,60	54.043,20	
	- Xã loại I	62	1.302	21	2.343,60	28.123,20	
	- Xã loại II	65	1.365	18	2.106,00	25.272,00	
	- Xã loại III	2	42	15	54,00	648,00	
II	Số thôn, bản, TDP	1.446			13.043,70	156.524,40	
	- Thôn, bản TDP thuộc xã trọng điểm, phức tạp về AN-TT, xã biên giới	493		6	5.324,40	63.892,80	
	- Thôn, bản, TDP thuộc xã còn lại	953		4,5	7.719,30	92.631,60	
III	Số lượng người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã tăng thêm theo diện tích và dân số		74	1,5	199,80	2.397,60	

DỰ KIẾN PHƯƠNG ÁN PHÂN BỐ KINH PHÍ THỰC HIỆN NGHỊ ĐỊNH SỐ 33/2023/NĐ-CP
(Kèm theo Tờ trình số 5363 /TTr-UBND ngày 10 tháng 11 năm 2023 của UBND tỉnh Điện Biên)

Tổng số xã: 129 xã (trong đó: loại I: 62 xã, loại II: 65 xã, loại III: 2 xã)

Tổng số thôn, bản, TDP: 1.446 (trong đó có 493 thôn, bản, TDP thuộc xã trọng điểm về an ninh trật tự, xã biên giới; 953 thôn, bản, TDP thuộc xã còn lại)

Đơn vị: Triệu đồng

Stt	Nội dung	Nguồn kinh phí TW dự kiến bổ sung	Số đối tượng	Hệ số phụ cấp		Tổng số phụ cấp theo hệ số mới	BHYT	BHXH	Tổng kinh phí thực hiện chính sách	Kinh phí còn dư dự phòng (khí tăng chính sách BHYT, tăng số lượng người HKCT cấp xã, thôn, tổ dân phố có trình độ chuyên môn, số lượng người tăng thêm cho sắp xếp lại theo ĐVHC, giám số xã, thôn, TDP)	Ghi chú
				Hệ số theo NQ số 14/2019/NQ-HĐND	Dự kiến Hệ số mới theo NĐ 33						
A	B	1	2	3	4	5=2*4*12 tháng	6=5*3%	7=5*14%	8	9	C
I Tổng số											
Mức Khoản hoạt động cho các tổ chức CT-XH cấp xã		212.965,20				#######	1.080,86	5.044,03	208.798,42	4.166,78	
	- Ủy ban mặt trận tổ quốc		129	7,00	10,00	1.290,00			1.290,00		
	- Đoàn TNCS HCM		129	5,00	8,00	1.032,00			1.032,00		
	- Hội Liên hiệp phụ nữ		129	5,00	8,00	1.032,00			1.032,00		
	- Hội Nông dân		129	5,00	8,00	1.032,00			1.032,00		
	- Hội Cựu chiến binh		129	5,00	8,00	1.032,00			1.032,00		
Mức phụ cấp cho những người hoạt động không chuyên trách cấp xã						51.615,36	1.080,86	5.044,03	57.740,26		
II Tổng số toàn tỉnh được bố trí tối đa, chia ra từng chức danh											
Xã loại I (bố trí tối đa 14 người)											
1	Phó Chi huy trưởng Ban chỉ huy quân sự		62	1,70	1,65	2.209,68	40,18	187,49	2.437,34		
2	Văn phòng - Tổ chức - Kiểm tra		62	1,40	1,35	1.807,92	40,18	187,49	2.035,58		
3	Tuyên giáo - Dân vận		62	1,40	1,35	1.807,92	40,18	187,49	2.035,58		
4	Thủ quỹ - văn thư - Lưu trữ		62	1,40	1,35	1.807,92	40,18	187,49	2.035,58		
5	Dân tộc - tôn giáo		62	1,40	1,35	1.807,92	40,18	187,49	2.035,58		
6	Chủ tịch hội Người cao tuổi		62	1,40	1,35	1.807,92	40,18	187,49	2.035,58		
7	Chủ tịch Hội Chữ Thập đỏ		62	1,40	1,35	1.807,92	40,18	187,49	2.035,58		
8	Phó Chủ tịch Ủy ban Mặt trận Tổ quốc		62	1,40	1,35	1.807,92	40,18	187,49	2.035,58		
9	Phó Bí thư Đoàn TNCS HCM		62	1,40	1,35	1.807,92	40,18	187,49	2.035,58		
10	Phó Chủ tịch Hội Liên hiệp PN		62	1,40	1,35	1.807,92	40,18	187,49	2.035,58		

Stt	Nội dung	Nguồn kinh phí TW dự kiến bổ sung	Số đối tượng	Hệ số phụ cấp		Tổng số phụ cấp theo hệ số mới	BHYT	BHXH	Tổng kinh phí thực hiện chính sách	Kinh phí còn dư dự phòng (khi tăng chính sách BHYT, tăng số lượng người HDKCT cấp xã, thôn, tổ dân phố có trình độ chuyên môn, số lượng người tăng thêm cho sắp xếp lại theo ĐVHC, giảm số xã, thôn, TDP)	Ghi chú
				Hệ số theo NQ số 14/2019/NQ-NDND	Dự kiến Hệ số mới theo ND 33						
A	B	1	2	3	4	5=2*4*12 tháng	6=5*3%	7=5*14%	8	9	C
11	Phó Chủ tịch Hội nông dân		62	1,40	1,35	1.807,92	40,18	187,49	2.035,58		
12	Phó Chủ tịch Hội CCB		62	1,40	1,35	1.807,92	40,18	187,49	2.035,58		
13	Chức danh được bố trí thêm tối đa		124	1,40	1,35	3.615,84	80,35	374,98	4.071,17		
	Xã loại II (bố trí tối đa 12 người)					22.323,60	505,44	2.358,72	25.187,76		
1	Phó Chỉ huy trưởng Ban chỉ huy quân sự		65	1,70	1,60	2.246,40	42,12	196,56	2.485,08		
2	Văn phòng - Tổ chức - Kiểm tra		65	1,40	1,30	1.825,20	42,12	196,56	2.063,88		
3	Tuyên giáo - Dân vận		65	1,40	1,30	1.825,20	42,12	196,56	2.063,88		
4	Thủ quỹ - văn thư - Lưu trữ		65	1,40	1,30	1.825,20	42,12	196,56	2.063,88		
5	Dân tộc - tôn giáo		65	1,40	1,30	1.825,20	42,12	196,56	2.063,88		
6	Chủ tịch hội Người cao tuổi		65	1,40	1,30	1.825,20	42,12	196,56	2.063,88		
7	Chủ tịch Hội Chữ Thập đỏ		65	1,40	1,30	1.825,20	42,12	196,56	2.063,88		
8	Phó Chủ tịch Ủy ban Mặt trận Tổ quốc		65	1,40	1,30	1.825,20	42,12	196,56	2.063,88		
9	Phó Bí thư Đoàn TNCS HCM		65	1,40	1,30	1.825,20	42,12	196,56	2.063,88		
10	Phó Chủ tịch Hội Liên hiệp PN		65	1,40	1,30	1.825,20	42,12	196,56	2.063,88		
11	Phó Chủ tịch Hội nông dân		65	1,40	1,30	1.825,20	42,12	196,56	2.063,88		
12	Phó Chủ tịch Hội CCB		65	1,40	1,30	1.825,20	42,12	196,56	2.063,88		
	Xã loại III (bố trí tối đa 10 người)					574,56	12,96	60,48	648,00		
1	Phó Chỉ huy trưởng Ban chỉ huy quân sự		2	1,70	1,60	69,12	1,30	6,05	76,46		
2	Văn phòng - Tổ chức - Kiểm tra		2	1,40	1,30	56,16	1,30	6,05	63,50		
3	Tuyên giáo - Dân vận		0	1,40	1,30	-	-	-	-		
4	Thủ quỹ - văn thư - Lưu trữ		2	1,40	1,30	56,16	1,30	6,05	63,50		
5	Dân tộc - tôn giáo		0	1,40	1,30	-	-	-	-		
6	Chủ tịch hội Người cao tuổi		2	1,40	1,30	56,16	1,30	6,05	63,50		
7	Chủ tịch Hội Chữ Thập đỏ		2	1,40	1,30	56,16	1,30	6,05	63,50		
8	Phó Chủ tịch Ủy ban Mặt trận Tổ quốc		2	1,40	1,30	56,16	1,30	6,05	63,50		
9	Phó Bí thư Đoàn TNCS HCM		2	1,40	1,30	56,16	1,30	6,05	63,50		
10	Phó Chủ tịch Hội Liên hiệp PN		2	1,40	1,30	56,16	1,30	6,05	63,50		
11	Phó Chủ tịch Hội nông dân		2	1,40	1,30	56,16	1,30	6,05	63,50		
12	Phó Chủ tịch Hội CCB		2	1,40	1,30	56,16	1,30	6,05	63,50		

14

Stt	Nội dung	Nguồn kinh phí TW dự kiến bổ sung	Số đối tượng	Hệ số phụ cấp		Tổng số phụ cấp theo hệ số mới	BHYT	BHXH	Tổng kinh phí thực hiện chính sách	Kinh phí còn dự phòng (khi tăng chính sách BHYT, tăng số lượng người HDKCT cấp xã, thôn, tổ dân phố có trình độ chuyên môn, số lượng người tăng thêm cho sắp xếp lại theo ĐVHC, giám số xã, thôn, TDP)	Ghi chú
				Hệ số theo NQ số 14/2019/NQ-HĐND	Dự kiến Hệ số mới theo NĐ 33						
A	B	1	2	3	4	5=2*4*12 tháng	6=5*3%	7=5*14%	8	9	C
	Mức hỗ trợ thêm đối với người Hoạt động không chuyên trách cấp xã có trình độ chuyên môn		968			3.004,56	-	-	3.004,56		Tính đến thời điểm xây dựng dự toán
13	Người hoạt động không chuyên trách cấp xã có trình độ chuyên môn đại học		352		0,2	1.520,64			1.520,64		
14	Người hoạt động không chuyên trách cấp xã có trình độ chuyên môn cao đẳng		142		0,15	460,08			460,08		
15	Người hoạt động không chuyên trách cấp xã có trình độ chuyên môn Trung cấp		474		0,1	1.023,84			1.023,84		
III	Người hoạt động không chuyên trách ở thôn, tổ dân phố					116.117,28			116.117,28		
1	Bí thư chi bộ					40.106,88			40.106,88		
	- Thôn, bản, TDP thuộc xã trọng điểm, phức tạp về ANTT, xã BG		493	1,40	1,35	14.375,88			14.375,88		
	- Thôn thuộc xã còn lại		953	1,30	1,25	25.731,00			25.731,00		
2	Trưởng thôn hoặc Tổ trưởng tổ dân phố					40.106,88			40.106,88		
	- Thôn, bản, TDP thuộc xã trọng điểm, phức tạp về ANTT, xã BG		493	1,40	1,35	14.375,88			14.375,88		
	- Thôn thuộc xã còn lại		953	1,30	1,25	25.731,00			25.731,00		
3	Trưởng Ban công tác Mặt trận					33.860,16			33.860,16		
	- Thôn, bản, TDP thuộc xã trọng điểm, phức tạp về ANTT, xã BG		493	1,20	1,15	12.246,12			12.246,12		
	- Thôn thuộc xã còn lại		953	1,10	1,05	21.614,04			21.614,04		
	Mức hỗ trợ thêm đối với người hoạt động KCT ở thôn, TDP theo trình độ chuyên môn					2.043,36			2.043,36		
4	Người hoạt động không chuyên trách ở thôn, tổ dân phố có trình độ chuyên môn từ Trung cấp trở lên		946		0,1	2.043,36			2.043,36		Tính đến thời điểm xây dựng dự toán
IV	Mức bồi dưỡng người tham gia công việc ở thôn, tổ dân phố					29.522,88			29.522,88		
1	Chi hội trưởng Hội liên hiệp phụ nữ		1.446		0,2	6.246,72			6.246,72		
2	Bí thư Chi đoàn thanh niên CSHCM		1.446	50.000	0,2	6.246,72			6.246,72		

Stt	Nội dung	Nguồn kinh phí TW dự kiến bổ sung	Số đối tượng	Hệ số phụ cấp		Tổng số phụ cấp theo hệ số mới	BHYT	BHXH	Tổng kinh phí thực hiện chính sách	Kinh phí còn dự phòng (khi tăng chính sách BHYT, tăng số lượng người HDKCT cấp xã, thôn, tổ dân phố có trình độ chuyên môn, số lượng người tăng thêm cho sắp xếp lại theo ĐVHC, giảm số xã, thôn, TDP)	Ghi chú
				Hệ số theo NQ số 14/2019/NQ-UBND	Dự kiến Hệ số mới theo NĐ 33						
A	B	1	2	3	4	5=2*4*12 tháng	6=5*3%	7=5*14%	8	9	C
3	Chi hội trưởng Hội Cựu chiến binh		1.446	đồng/người	0,2	6.246,72			6.246,72		
4	Chi hội trưởng Hội Nông dân		1.446	ời/buổi	0,2	6.246,72			6.246,72		
5	Phó Trưởng thôn, Phó Tổ Trưởng tổ dân phố		700		0,3	4.536,00			4.536,00		